

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN VI

Phẩm 4: NHƯ LAI TÁNH 3

Này thiện nam! Trong kinh Đại Bát Niết Bàn vi diệu này có bốn hạng người có thể hộ trì chánh pháp, kiến lập chánh pháp, ghi nhớ chánh pháp, có thể tạo nhiều điều lợi ích, thương xót thế gian, làm nơi nương tựa cho thế gian, làm an lạc cho hàng trời, người. Những gì là bốn? Một là có người xuất thế đủ tánh phiền não. Hai là bậc Tu-đà-hoàn và Tư-đà-hàm. Ba là bậc A-na-hàm. Bốn là bậc A-la-hán. Bốn hạng người này xuất hiện ở đời có thể tạo nhiều điều lợi ích, thương xót thế gian, làm nơi nương tựa cho thế gian, làm an lạc cho hàng trời, người.

Thế nào là gọi đầy đủ tánh phiền não? Nếu có người tuân giữ đầy đủ oai nghi, giới cấm, kiến lập chánh pháp, hiểu rõ văn nghĩa lời dạy của Đức Phật và phân biệt giảng nói cho người khác: Ít ham muốn là đạo, nhiều ham dục là chẳng phải đạo, diễn nói rộng rãi tám điều giác ngộ của bậc đại nhân như thế, đối với người nào phạm tội thì dạy cho họ phát lồ sám hối để trừ diệt, khéo biết pháp bí mật, việc làm phương tiện của Bồ-tát, thì hạng người này gọi là phạm phu, không phải là hạng người thứ tám. Hạng người thứ tám không gọi là phạm phu mà gọi là Bồ-tát, không gọi là Phật. Hạng người thứ hai là Tu-đà-hoàn và Tư-đà-hàm, nếu được chánh pháp, thọ trì chánh pháp, theo Phật nghe pháp rồi như điều đã nghe mà ghi chép, giữ gìn, đọc tụng và giảng nói lại cho người khác; nhưng nghe pháp rồi không ghi chép, không thọ trì, không giảng nói mà lại bảo Đức Phật cho phép nuôi chứa nô tỳ, các vật bất tịnh, thì đó là điều không thể có. Hạng người này chưa đạt được Địa thứ hai và Địa thứ ba, chỉ

gọi là Bồ-tát đã được thọ ký. Hạng người thứ ba là A-na-hàm. Bậc A-na-hàm mà phỉ báng chánh pháp, hoặc nói cho nuôi chứa nô tỳ, tôi tớ, các vật bất tịnh, thọ trì sách vở, luận thuyết của ngoại đạo, bị phiền não bên ngoài làm chướng ngại, các phiền não đời trước ngăn che, cất giữ Xá-lợi chân thật của Như Lai, bị các bệnh bên ngoài làm cho khổ sở, hoặc bị rắn độc bốn đại làm hại, luận nói về ngã thì đều là những việc không thể có; chỉ có nói vô ngã, không nói pháp đấm nhiễm thế tục, chỉ nói pháp Đại thừa không dứt, không thọ thân có tám vạn vi trùng, lìa hẳn dâm dục, ngay cả trong giấc mộng cũng không xuất bất tịnh, lúc lâm chung không bị sợ hãi. A-na-hàm có nghĩa là gì? Nghĩa là vị này không trở lại những điều tội lỗi như đã nói ở trên, vĩnh viễn không thể bị nhiễm ô, qua lại xoay vần, gọi là bậc Bồ-tát đã được thọ ký, không bao lâu nữa sẽ thành Bồ-đề vô thượng. Đây là hạng người thứ ba. Hạng người thứ tư là A-la-hán. A-la-hán là bậc đoạn trừ các phiền não, xả bỏ gánh nặng, đã được tự lợi, việc làm đã xong, an trụ Địa thứ mười, đạt trí tự tại, có thể thị hiện đủ loại hình tượng tùy theo sự ưa thích của người, như sự việc đã trang nghiêm, muốn thành Phật đạo thì liền thành, có thể thành tựu được vô lượng công đức như thế gọi là A-la-hán. Đây là bốn hạng người xuất hiện ở đời, có thể tạo nhiều lợi ích, thương xót thế gian, làm nơi nương tựa cho thế gian, tạo sự an lạc cho hàng trời, người, là bậc tối tôn tối thắng trong hàng trời, người, giống như Đức Như Lai là bậc tối thắng trong loài người, là nơi để quay về nương tựa.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nay con không nương theo bốn hạng người này. Vì sao? Như trong kinh Cù-sư-la, Phật đã nói với Cù-sư-la: “Nếu Trời, Ma, Phạm vì muốn phá hoại nên hiện ra hình dạng Phật, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm, hào quang một tầm, khuôn mặt tròn đầy như trăng rằm, tướng bạch hào giữa hai chân mày trắng như ngọc kha, hiện các việc trang nghiêm như vậy đến trước mặt ông, thì ông phải xem xét kỹ để biết thật hay giả, đã biết rồi nên hàng phục chúng”. Bạch Thế Tôn! Các ma còn biến hóa ra thân Phật được, hướng hồ là thân của bốn hạng người

trên, như La-hán v.v... nằm ngồi trong hư không, hông bên trái phun nước, hông bên phải phun ra lửa, thân tỏa khối nóng giống như khối lửa. Vì nhân duyên này, đối với họ con không tin tưởng, hoặc họ có nói ra điều gì con cũng không nghe nhận, cũng không cung kính ghi nhớ để làm theo.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Đối với lời Ta nói, nếu có điều gì nghi ngờ, các ông còn không nên nghe theo, huống hồ là lời của những người ấy nói. Thế nên phải khéo phân biệt để biết là thiện hay chẳng thiện, nên làm hay không nên làm. Làm như thế mới được an lạc lâu dài. Này thiện nam! Ví như con chó ăn trộm, ban đêm lẻn vào nhà người, người làm trong nhà biết được liền la đuổi: “Mày đi ra mau, nếu không ta sẽ giết mày”. Con chó ấy nghe xong, liền bỏ đi không dám trở lại. Từ nay, các ông cũng nên hàng phục ma Ba-tuần như vậy, nên nói như vậy: “Người hôm nay không nên hiện ra hình dạng như thế, nếu cố làm ta sẽ dùng năm sợi dây trói buộc người”. Ma nghe như vậy rồi, sẽ bỏ đi giống như con chó trộm kia, không dám trở lại.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bach Thế Tôn! Như Phật vì trưởng giả Cù-sư-la mà nói, nếu hàng phục được ma như vậy, tức là gần với Đại Niết-bàn là được rồi. Như Lai đâu cần phải nói bốn hạng người trên là nơi nương tựa, vì lời nói của bốn hạng người ấy chưa chắc đáng tin.

Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Như lời Ta nói, cũng chính là như vậy. Này thiện nam! Ta vì hàng Thanh văn nhục nhãn mà nói hàng các ma, không nói cho người tu học pháp Đại thừa, hàng Thanh văn tuy có thiên nhãn nhưng vẫn gọi là nhục nhãn. Vì sao? Vì kinh điển Đại thừa gọi là Phật thừa, mà Phật thừa là tối thắng hơn cả. Này thiện nam! Như có người mạnh mẽ oai phong, người ốm yếu thường đến nương nhờ, người mạnh mẽ ấy thường dạy người ốm yếu: “Ông nên cầm cung, nắm tên, học cách cầm giáo, móc, đai, dây, lưới như vậy”. Lại bảo: “Phàm khi chiến đấu tuy có bị giày xéo, bị đâm chém cũng

không nên sinh tưởng sợ hãi, nên quán hàng trời người, xem họ đều là yếu kém, nên tự mình phát khởi ý chí mạnh mẽ; hoặc lúc có người không can đảm mà giả làm tướng mạnh mẽ, mang cung, đeo kiếm, đủ các loại vũ khí để tự trang nghiêm, vào trận mạc gào to, hét lớn, thì đối với người đàn ông ấy cũng đừng lo sợ. Khi thấy các ông không sợ nên biết người này chẳng bao lâu sẽ tự rút lui, giống như con chó trộm kia”. Này thiện nam! Như Lai cũng bảo các Thanh văn như vậy: “Các ông không nên sợ ma Ba-tuần, nếu ma Ba-tuần giả làm thân Phật đến chỗ các ông, các ông phải tinh tấn giữ vững thân mình để hàng phục ma. Khi ấy, ma sẽ lo sợ, không vui, tự bỏ đi. Này thiện nam! Như người mạnh mẽ kia, không học tập người khác, người học pháp Đại thừa cũng như vậy, được nghe các loại kinh điển bí mật sâu xa, tâm họ vui mừng không có sợ hãi. Vì sao? Vì người tu học pháp Đại thừa như vậy, đã từng cúng dường, cung kính, lễ lạy vô lượng vạn ức Đức Phật trong đời quá khứ. Tuy có vô lượng ức ngàn chúng ma muốn đến để quấy nhiễu, đối với việc ấy, họ không hề sợ hãi. Này thiện nam! Ví như có người được thuốc A-kiệt-đà, không sợ tất cả loài rắn độc, vì năng lực của thuốc ấy có thể tiêu trừ tất cả các chất độc. Kinh điển Đại thừa cũng như vậy, như năng lực của thuốc kia không sợ tất cả các chất độc của ma, cũng có thể hàng phục khiến cho ma không khởi lên được.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như có con rồng tánh tình rất hung dữ, khi muốn hại người, hoặc dùng mắt để nhìn, dùng miệng hà hơi độc, nên tất cả sư tử, hổ, báo, chó sói, chó v.v... đều sợ hãi; các loài thú dữ ấy hoặc nghe tiếng, hoặc thấy hình, hoặc đụng chạm đến thân rồng đều bị mất mạng. Có người giỏi về thần chú, dùng năng lực của thần chú khiến cho rồng độc, chim cánh vàng và các loài thú hung dữ như: voi, sư tử, hổ, báo, chó sói, chó v.v... đều được thuần phục và dùng để cưỡi. Các loài thú dữ như thế, thấy người giỏi thần chú liền bị hàng phục. Hàng Thanh văn, Duyên giác cũng lại như vậy, thấy ma Ba-tuần thì ai cũng sợ hãi mà ma Ba-tuần thì không sợ hãi, vẫn còn tạo tác các nghiệp ma. Người học Đại thừa cũng lại như vậy, thấy các Thanh văn sợ hãi việc ma, không tin ưa đối với pháp Đại thừa này, nên trước dùng phương tiện hàng phục các ma khiến chúng

thuần phục, có thể chấp nhận Đại thừa, nhân đó vì họ mà diễn nói các pháp vi diệu. Hàng Thanh văn, Duyên giác thấy ma được hàng phục rồi, không còn sợ hãi, đối với chánh pháp Đại thừa vô thượng này mới sinh lòng tin ưa. Các ma nói như vậy: “Từ hôm nay, chúng ta không nên làm chướng ngại chánh pháp”.

Lại nữa, này thiện nam! Hàng Thanh văn, Duyên giác sợ hãi các phiền não, người học pháp Đại thừa thì không sợ, vì tu học Đại thừa nên có năng lực như vậy. Do nhân duyên đó, mà những điều Ta nói trước đây là vì muốn hàng Thanh văn, Duyên giác điều phục các ma, chẳng phải nói cho hàng Đại thừa. Kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này không thể tiêu mất, rất là kỳ diệu, rất là đặc biệt. Nếu ai nghe rồi liền tin nhận, tin chắc Như Lai là pháp thường trụ thì người ấy thật là hiếm có như hoa Ưu-đàm. Sau khi Như Lai vào Niết-bàn, người nào nghe được kinh điển Đại thừa vi diệu này, sinh lòng kính tin, phải biết những người ấy vào đời vị lai, trăm ngàn ức kiếp không bị đọa vào đường ác.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Sau khi Ta nhập Niết-bàn, sẽ có trăm ngàn vô lượng chúng sinh chê bai và không tin kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sau khi Thế Tôn diệt độ được bao lâu, sẽ có chúng sinh chê kinh điển này? Bạch Thế Tôn! Lại có các bậc thuần thiện nào sẽ cứu giúp những người chê bai ấy?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Sau khi Ta diệt độ khoảng bốn mươi năm, kinh này sẽ được lưu truyền rộng rãi trong cõi Diêm-phù-đề. Sau đó, sẽ bị ẩn mất trong đất. Này thiện nam! Ví như ở xứ sở nào có mía, gạo thơm, đường, sữa tươi, sữa đặc, đề hồ v.v... thì dân chúng ở xứ ấy đều cho rằng đó là thức ăn hảo hạng, hoặc có người chỉ toàn ăn gạo hầm, hạt cỏ thì người này cũng cho rằng đây là món ăn ngon nhất, vì người ấy phước mỏng nên chịu nghiệp báo như vậy, những người có phước đức thì không bao giờ nghe đến tên gạo hầm, hạt cỏ, mà thức

ăn chỉ toàn là gạo thơm, mía, đường, đề hồ v.v... Kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn cũng như vậy, người phước mỏng và căn cơ ngu độn không thích nghe, giống như kẻ bạc phước ghét gạo thơm, đường v.v... Hàng Nhị thừa cũng lại như vậy, không ưa thích kinh Đại Niết-bàn vô thượng; hoặc có chúng sinh thích nghe và thọ trì kinh này, nghe rồi liền hoan hỷ, không chê bai, cũng như người có phước đức được ăn gạo thơm v.v... Đây thiện nam! Ví như có vị vua ở trong núi hiểm trở, tuy có mía, gạo thơm, đường, nhưng vì những thứ này rất khó có được nên vua tham tiếc dự trữ, sợ hết không dám ăn mà chỉ ăn gạo hẩm, hạt cỏ. Có vị quốc vương khác nghe điều ấy vừa thương vừa cười, liền cho xe chở gạo thơm, mía v.v... để biếu tặng. Vị vua kia nhận được lương thực rồi, liền phân phát cho dân chúng trong cả nước cùng ăn. Dân chúng được thức ăn đều rất vui mừng, và đồng nói: “Nhờ quốc vương ấy mà chúng ta được thức ăn hiếm có này”. Đây thiện nam! Bốn hạng người trên đây cũng lại như vậy, như là bậc tướng quân của chánh pháp vô thượng. Hoặc có một trong bốn hạng người này, thấy ở phương khác có vô lượng Bồ-tát tu học kinh điển Đại thừa này, hoặc tự mình biên chép, hoặc bảo người khác biên chép, nhưng chỉ vì lợi dưỡng, vì tiếng khen, vì hiểu pháp, vì nương tựa, vì để trao đổi kinh này với kinh khác mà không diễn nói rộng rãi cho mọi người, bèn đem kinh điển vi diệu này đến phương ấy cho Bồ-tát đó, khiến cho chư vị phát tâm Bồ-đề vô thượng, an trú trong Bồ-đề. Được kinh này rồi, các Bồ-tát liền nói rộng rãi cho mọi người, khiến cho vô lượng chúng sinh nhận được pháp vị Đại thừa này. Tất cả mọi người đều nhờ hiệu lực của Bồ-tát này mà được nghe kinh điển chưa từng nghe, như dân chúng nhờ oai lực của vị vua mà được những thức ăn hiếm có. Lại nữa, đây thiện nam! Những nơi nào được kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này lưu hành rộng rãi thì nên biết nơi ấy, đất chính là kim cương, mọi người ở nơi ấy cũng như kim cương. Nếu người nào có thể nghe được kinh này thì liền đạt được Bất thoái chuyển nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mọi điều mong cầu đều được mãn nguyện. Đúng như những điều mà hôm nay Ta đã tuyên thuyết, Tỳ-kheo các ông nên khéo thọ trì. Hoặc chúng sinh nào không thể nghe được kinh này, phải biết người

ấy thật đáng thương xót. Vì sao? Vì người ấy không thể thọ trì được ý nghĩa sâu xa của kinh điển Đại thừa này.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Sau khi Như Lai diệt độ, trong bốn mươi năm, kinh Đại Thừa Đại Niết Bàn được lưu truyền rộng rãi trong cõi Diêm-phù-đề, qua thời gian sẽ bị ẩn mất trong đất, sau đó bao lâu sẽ xuất hiện lại?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Giả sử chánh pháp của Ta tồn tại hơn tám mươi năm, thì bốn mươi năm đầu là thời gian mà kinh này tuôn mưa pháp lớn ở cõi Diêm-phù-đề.

Bồ-tát Ca-diếp lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Khi kinh điển chánh pháp như vậy bị hoại diệt, khi chánh giới bị hủy bỏ, khi phi pháp tăng trưởng, khi không còn chúng sinh theo đúng như pháp v.v... thì ai là người có thể nghe nhận, phụng trì, thọ tụng, thông suốt, cúng dường cung kính, biên chép và giảng nói kinh điển này? Kính xin Như Lai thương xót chúng sinh mà phân biệt, giảng giải cho hàng Bồ-tát được nghe nhận rồi thọ trì, thọ trì xong, liền đạt tâm Bất thoái chuyển nơi đạo Bồ-đề vô thượng.

Bấy giờ, Đức Phật khen ngợi Bồ-tát Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Hôm nay ông có thể khéo hỏi ý nghĩa này. Này thiện nam! Nếu chúng sinh nào đã từng phát tâm Bồ-đề ở chỗ chư Phật nhiều như số cát trong sông Ni-liên, thì mới có thể ở nơi đời ác thọ trì kinh điển này mà không chệch. Này thiện nam! Nếu người nào đã từng phát tâm Bồ-đề nơi các Đức Phật nhiều như số cát trong một sông Hằng, thì sau mới có thể ở trong đời ác không chệch, mà ưa thích kinh điển này, nhưng không thể phân biệt, giảng nói cho người khác. Này thiện nam! Nếu chúng sinh nào đã từng ở nơi các Đức Phật nhiều như số cát trong hai sông Hằng, phát tâm Bồ-đề, thì sau mới có thể ở trong đời ác, không chệch mà hiểu đúng, tin ưa, thọ trì và đọc tụng pháp này, nhưng không thể giảng nói cho người khác. Nếu chúng sinh nào đã từng ở nơi các

Đức Phật nhiều như số cát trong ba sông Hằng, phát tâm Bồ-đề, thì sau mới có thể ở trong đời ác, không chê bai mà thọ trì, đọc tụng, biên chép kinh pháp này, và tuy có diễn nói cho người khác, nhưng chưa hiểu được nghĩa lý sâu xa. Nếu chúng sinh nào đã từng ở nơi các Đức Phật nhiều như số cát trong bốn sông Hằng, phát tâm Bồ-đề, thì sau mới có thể ở trong đời ác, không chê bai mà thọ trì, đọc tụng, biên chép kinh này, và tuy có diễn nói cho người khác nhưng chỉ nói được một phần mười sáu ý nghĩa của kinh này. Nếu chúng sinh nào đã từng ở nơi các Đức Phật nhiều như số cát trong năm sông Hằng, phát tâm Bồ-đề, thì sau mới có thể ở trong đời ác, không chê bai mà thọ trì, đọc tụng, biên chép kinh này, nhưng cũng chỉ giảng nói được tám phần mười sáu ý nghĩa của kinh pháp này cho người khác. Nếu chúng sinh nào đã từng ở nơi các Đức Phật nhiều như số cát trong sáu sông Hằng, phát tâm Bồ-đề, thì sau mới có thể ở trong đời ác, không chê bai mà thọ trì, đọc tụng, biên chép kinh này, và giảng nói được mười hai phần mười sáu ý nghĩa kinh này cho người khác. Nếu chúng sinh nào đã từng ở nơi các Đức Phật nhiều như số cát trong bảy sông Hằng, phát tâm Bồ-đề, thì sau mới có thể ở trong đời ác, không chê bai mà thọ trì, đọc tụng, biên chép kinh pháp này, và giảng nói được mười bốn phần mười sáu ý nghĩa kinh này cho người khác. Nếu chúng sinh nào đã từng ở nơi các Đức Phật nhiều như số cát trong tám sông Hằng, phát tâm Bồ-đề, thì sau mới có thể ở trong đời ác, không chê bai mà thọ trì, đọc tụng, biên chép kinh pháp này, cũng khuyên người khác biên chép, tự mình có thể nghe nhận, lại khuyên người khác nghe nhận, đọc tụng thông suốt, kiên trì, ủng hộ, vì yêu thương các chúng sinh ở thế gian nên cúng dường kinh này, khuyên người khác khiến họ cúng dường, cung kính, tôn trọng, đọc tụng, lễ bái cũng như vậy. Người này có khả năng hiểu rõ hết nghĩa lý kinh này, đó là Như Lai thường trụ bất biến, rốt ráo an lạc, giảng nói rộng rãi rằng tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Người này khéo biết được kho tàng chánh pháp của Như Lai, cúng dường các Đức Phật như vậy rồi, kiến lập, thọ trì, ủng hộ chánh pháp vô thượng. Nếu có chúng sinh nào vừa mới phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì phải biết chúng sinh ấy vào đời vị lai

chắc chắn có thể kiến lập, thọ trì, ủng hộ chánh pháp như vậy. Cho nên, hôm nay ông không nên không biết người ủng hộ chánh pháp ở đời vị lai. Vì sao? Vì người phát tâm ấy chắc chắn sẽ có khả năng hộ trì chánh pháp vô thượng trong đời vị lai. Nay thiện nam! Có Tỳ-kheo ác nghe Ta Niết-bàn, không hề buồn rầu, nói: “Hôm nay, Như Lai vào Niết-bàn thì có gì vui hơn! Đức Như Lai còn ở đời ngăn cản lợi ích của chúng ta, nay Ngài vào Niết-bàn, không còn ai ngăn cấm được ta. Nếu chẳng bị ai ngăn cấm, ta liền được lợi dưỡng giống như Như Lai. Đức Như Lai còn tại thế, giới cấm nghiêm ngặt, nay Ngài vào Niết-bàn, sẽ được giải bỏ. Áo ca-sa đã nhận vốn chỉ là pháp thức, nay cũng nên dẹp bỏ đi giống như lá phước trên cây”. Những người như vậy chê bai, chống đối kinh Đại thừa này. Nay thiện nam! Hôm nay, ông nên ghi nhớ như vậy, nếu chúng sinh nào thành tựu đầy đủ vô lượng công đức, thì mới có thể tin tưởng rồi thọ trì kinh điển Đại thừa này. Ngoài ra, có chúng sinh nào ưa kinh pháp này, thì ông có thể vì họ giảng nói, người ấy nghe rồi, các nghiệp ác đã tạo từ vô lượng vô số kiếp ở quá khứ đều được tiêu trừ. Nếu người nào không tin kinh điển này, thì thân hiện đời phải bị vô số bệnh tật làm khổ sở, bị mọi người mắng chửi, nhục mạ; sau khi qua đời, sẽ thọ thân người, dung mạo xấu xí, bị người khinh khi, cuộc sống khổ sở, thường hay thiếu thốn, tuy được chút ít nhưng chỉ toàn đồ thô thiển, xấu dở, đời đời thường bị sinh vào gia đình bần cùng, thấp hèn, tà kiến và chê bai chánh pháp. Khi sắp chết gặp toàn những đao binh hỗn loạn tranh nhau nổi lên, vua chúa bạo ngược, kẻ oan gia thù hận, hiềm khích làm hại, tuy có bạn lành nhưng chẳng được gặp gỡ, luôn cầu mong những đồ cần dùng mà chẳng thể có, được rất ít điều lợi ích, thường bị đói khát, chỉ được những người thấp hèn biết đến, hàng quốc vương, đại thần không ai thèm đếm xỉa. Giả sử họ có nghe người tuyên nói điều hay, lẽ phải đều không tin nhận. Người như thế, không đến được cõi lành, như chim gãy cánh không thể bay được, người ấy cũng vậy, vào đời vị lai, không thể đạt đến các cõi lành của hàng trời, người. Nếu người nào có thể kính tin kinh điển Đại thừa này, thì người ấy tuy vốn thọ thân hình thô xấu, nhưng nhờ công đức của kinh này, nên liền được đẹp đẽ, oai lực, sắc đẹp ngày

càng tăng thêm, thường được hàng người trời ưa nhìn, cung kính, mến yêu, lưu luyến không xa lìa; quốc vương, đại thần, gia đình quyến thuộc nghe người ấy nói lời gì thấy đều kính tin. Nếu có vị nào trong hàng Thanh văn, đệ tử của Như Lai, muốn thực hành việc hiếm có bậc nhất, thì nên tuyên nói rộng rãi kinh điển Đại thừa này cho khắp thế gian. Nay thiện nam! Ví như sương mù chỉ tồn tại đến lúc mặt trời mọc, mặt trời mọc rồi, sương sẽ bị tan hết. Nay thiện nam! Các nghiệp ác của chúng sinh cũng như vậy, thế lực của chúng chỉ tồn tại đến lúc mặt trời Đại Niết-bàn xuất hiện, mặt trời này xuất hiện rồi, thì tất cả nghiệp ác đều bị diệt trừ. Lại nữa, nay thiện nam! Ví như có người cạo tóc xuất gia, tuy mặc ca-sa nhưng chưa được thọ mười giới của Sa-di. Có vị Trưởng giả đến thỉnh chúng Tăng, người chưa thọ giới ấy, cũng được cùng chúng Tăng thọ trai, tuy chưa thọ giới nhưng cũng được dự vào hàng chúng Tăng. Nay thiện nam! Nếu chúng sinh nào vừa mới phát tâm học hỏi kinh điển Đại Niết-bàn Đại thừa này mà biên chép, thọ trì, đọc tụng cũng như vậy, tuy chưa đạt đến quả vị Thập trụ nhưng cũng được dự vào hàng Thập trụ. Hoặc có chúng sinh là đệ tử, hoặc chẳng phải đệ tử Phật, hoặc vì tham, vì sợ, vì lợi dưỡng mà nghe và thọ trì kinh này, dù chỉ một bài kệ, nghe rồi không chê bai, nên biết người ấy đã gần kề với quả vị Bồ-đề vô thượng.

Nay thiện nam! Vì nhân duyên ấy, Ta nói bốn hạng người trên là nơi nương tựa của thế gian. Nay thiện nam! Nếu bốn hạng người ấy, đem lời Phật dạy mà nói là không phải lời Phật dạy, thì điều này không thể có. Vì vậy, Ta nói bốn hạng người này là chỗ nương tựa của thế gian. Nay thiện nam! Ông nên cúng dường bốn hạng người như vậy.

–Bạch Thế Tôn! Con phải làm sao để biết được người nào đáng được cúng dường?

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Nếu có vị nào kiến lập, hộ trì chánh pháp, thì đối với người như thế, ông nên cung thỉnh và xả bỏ thân mạng để cúng dường vị ấy, như Ta đã nói trong kinh Đại thừa này:

*Có người biết pháp
 Hoặc già hoặc trẻ
 Hãy nên cúng dường
 Cung kính lễ bái.
 Như Bà-la-môn
 Kính thờ thần lửa
 Có người biết pháp
 Hoặc già hoặc trẻ.
 Hãy nên cúng dường
 Cung kính lễ bái
 Cũng như chư Thiên
 Phụng sự Đế Thích.*

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật đã nói, cúng dường Sư trưởng cũng như vậy. Hôm nay, con có điều nghi ngờ kính xin Thế Tôn giảng giải cho con. Nếu có bậc Tôn túc giữ gìn giới cấm, theo người nhỏ tuổi học điều chưa biết thì có nên cung kính đánh lễ không? Nếu cung kính đánh lễ thì chẳng gọi là trì giới. Nếu người nhỏ tuổi giữ gìn giới cấm, theo các vị lớn tuổi phá giới để học hỏi những điều chưa biết thì nên đánh lễ chăng? Nếu người xuất gia theo người tại gia để học hỏi điều chưa biết, có nên đánh lễ chăng? Nhưng người xuất gia thì không nên kính người tại gia; trong pháp Phật, người nhỏ phải cung kính bậc trưởng túc, vì bậc trưởng túc thọ giới cụ túc trước và thành tựu oai nghi, vì vậy, đáng được cung kính cúng dường. Như lời Phật dạy, trong pháp Phật không dung chứa những người phá giới, giống như trong ruộng tốt có nhiều cỏ dại. Lại như Phật dạy, có người biết pháp, dù già hay trẻ đều nên cúng dường như chư Thiên phụng sự trời Đế Thích. Như vậy ý nghĩa của hai câu đó là như thế nào? Chẳng lẽ Như Lai đã nói hư dối sao? Như lời Phật dạy thì Tỳ-kheo trì giới cũng có lúc sai phạm, vì sao Như Lai lại nói như vậy? Bạch Thế Tôn! Ở trong kinh khác, Thế Tôn cũng nói cho phép trị tội người phá giới, nếu nói như vậy thì nghĩa này chưa rõ.

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Ta vì các hàng Bồ-tát học pháp Đại thừa ở đời vị lai mà nói kệ như vậy, chứ chẳng nói cho hàng đệ tử Thanh văn. Này thiện nam! Như trước Ta đã nói, khi chánh pháp bị diệt, khi chánh giới bị hủy bỏ, người phá giới tăng nhiều, khi phi pháp hưng thịnh, khi các bậc Thánh nhân ẩn mất không xuất hiện, khi người xuất gia nhận, nuôi chứa nô tỳ và các vật bất tịnh, thì lúc ấy, sẽ có một trong bốn hạng người trên xuất hiện ở đời, cạo bỏ râu tóc, xuất gia tu đạo, thấy các Tỳ-kheo ai ai cũng nhận và chứa tôì trai tở gái cùng các vật bất tịnh, không biết vật nào tịnh, vật nào bất tịnh, lại không biết đâu là đúng luật, đâu là trái luật. Vị này vì muốn điều phục các Tỳ-kheo như vậy, nên cùng họ “hòa quang” nhưng không “đồng trần” (chung sống với họ nhưng không nhiễm ô như họ) vị này khéo phân biệt biết rõ việc làm của mình và việc làm của Phật, tuy thấy những người phạm tởì Ba-la-di, nhưng vẫn im lặng không cử tởì. Vì sao? Vì nghĩ mình xuất hiện ở đời để kiến lập, hộ trì chánh pháp, cho nên im lặng không cử tởì. Này thiện nam! Người như vậy, vì ủng hộ chánh pháp, tuy có phạm nhưng không gọi là phá giới. Này thiện nam! Như có vị quốc vương bị bệnh băng hà, thái tử còn thơ ấu chưa thể nối ngôi, có vị Chiên-đà-la giàu có, của cải vô lượng, có nhiều quyến thuộc, dùng sức mạnh của mình, thừa dịp nước nhà suy yếu bèn cướp ngôi vua. Người ấy lên ngôi cai trị chưa được bao lâu, dân chúng, cư sĩ, Bà-la-môn v.v... trong nước đều làm phản, trốn sang nước khác, tuy có người ở lại nhưng cũng không muốn nhìn thấy vua. Hoặc có Trưởng giả, Bà-la-môn không bỏ nước mình, giống như loại cây sinh ra ở chỗ nào thì chết ở chỗ ấy. Vua Chiên-đà-la biết dân chúng làm phản chạy trốn sắp trở về, liền sai các quan Chiên-đà-la canh giữ các nẻo đường. Lại trong bảy ngày, đánh trống kêu gọi các Bà-la-môn, người nào có thể làm thầy quán đảnh cho vua thì sẽ đem nửa nước mà ban thưởng. Các Bà-la-môn nghe lời này rồi, không ai chịu đến, họ nói với nhau: “Ở đâu lại có Bà-la-môn làm việc như vậy!”. Vua Chiên-đà-la lại nói: “Nếu trong hàng Bà-la-môn không có một ai chịu ra làm thầy cho ta, thì ta sẽ buộc các Bà-la-môn ở, ăn, ngủ và làm việc chung với các Chiên-đà-la, còn nếu ai có thể làm thầy quán đảnh cho ta thì chắc chắn ta sẽ ban thưởng cho nửa nước,

cho đến thuốc cam lồ bất tử thượng hạng của cõi trời Tam thập tam, do sức thần chú mà có được, ta cũng sẽ chia đều cho người ấy”.

Bấy giờ, có một người con của Bà-la-môn tuổi đang còn trẻ, tu hạnh thanh tịnh, để râu tóc dài làm tướng, khéo biết chú thuật, đến chỗ vua, thưa: “Tâu đại vương! Những sắc lệnh của đại vương tôi đều có thể làm được”. Lúc ấy, đại vương rất vui mừng nhận người Bà-la-môn trẻ làm thầy quán đảnh. Các Bà-la-môn nghe việc này rồi đều rất giận dữ, trách chàng trẻ tuổi: “Người thuộc dòng Bà-la-môn sao lại đi làm thầy cho kẻ Chiên-đà-la?”. Lúc này, vị vua liền chia nửa nước cho người Bà-la-môn trẻ tuổi, rồi cùng với vị ấy trị nước. Trải qua thời gian dài, khi ấy vị Bà-la-môn trẻ thưa với vua: “Tôi bỏ phép tắc của dòng họ đến làm thầy đại vương, rồi dạy cho nhà vua chú thuật bí mật, nhưng đến hôm nay nhà vua lại chưa thân thiết với tôi”. Lúc ấy, nhà vua hỏi: “Trẫm làm gì mà chẳng thân thiết với Đại sư?”. Vị Bà-la-môn trẻ đáp: “Đại vương còn chưa cho tôi cùng được uống thuốc bất tử của tiên vương”. Nhà vua nói: “Lành thay! Lành thay! Đại sư! Trẫm thật sự không biết, Đại sư nếu cần dùng thì xin cứ lấy mà dùng”. Bấy giờ, vị Bà-la-môn trẻ nghe nhà vua nói rồi, liền đem thuốc về nhà, mời các đại thần cùng uống. Các vị đại thần uống thuốc xong, liền đến tâu vua: “Vui thay! Đại sư đã cho chúng tôi uống thuốc cam lồ bất tử”. Nhà vua biết điều ấy rồi, nói với vị Bà-la-môn trẻ: “Sao Đại sư cùng các đại thần uống thuốc cam lồ mà không chia cho trẫm?”. Lúc ấy, vị Bà-la-môn trẻ liền đem thuốc độc mời nhà vua uống. Nhà vua uống thuốc xong, chẳng mấy chốc bị thấm độc, bất tỉnh ngã xuống đất, không còn biết gì, như người chết. Bấy giờ, vị Bà-la-môn trẻ liền lập thái tử con của tiên vương trở lại làm vua, nói như vậy: “Theo phép ngự tòa sư tử, hạng người Chiên-đà-la không bao giờ được ngự. Từ xưa đến nay, tôi chưa từng nghe thấy hạng Chiên-đà-la mà làm vua. Nếu hạng người Chiên-đà-la trị nước, an dân thì việc này không thể có. Hôm nay, điện hạ nên trở lại nối ngôi tiên vương, theo đúng phép mà trị nước”.

Lúc ấy, vị Bà-la-môn trẻ sắp đặt việc ấy xong, liền dùng thuốc giải cho người Chiên-đà-la uống, làm cho ông tỉnh lại, khi đã tỉnh lại rồi, ông liền bị đuổi ra khỏi nước. Bấy giờ, vị Bà-la-môn trẻ tuy làm

việc này nhưng vẫn không mất pháp Bà-la-môn. Các vị cư sĩ, Bà-la-môn khác nghe được việc này, đều cho là điều chưa từng có, họ khen: “Lành thay! Lành thay! Nhân giả! Người đã khéo đuổi ông vua Chiên-đà-la”.

Này thiện nam! Sau khi Ta vào Niết-bàn, hàng Bồ-tát hộ trì chánh pháp cũng như vậy, dùng sức phương tiện giả đồng sự với người phá giới, nhận và chứa tất cả vật bất tịnh. Lúc ấy, Bồ-tát nếu thấy có người tuy phạm giới nhiều, nhưng có thể trị được các Tỳ-kheo ác phá giới, thì liền đến chỗ vị ấy để cung kính lễ bái, tứ sự cúng dường; kinh sách, những đồ cần dùng đều đem dâng cúng. Những ai không có sẵn thì thị hiện phương tiện đến các nhà đàn-việt để xin, rồi đem cúng dường. Vì sự việc này, nên có thể được chứa tám loại đồ vật bất tịnh. Vì sao? Vì vị này trị các Tỳ-kheo ác như Bà-la-môn tuổi trẻ đuổi Chiên-đà-la. Bấy giờ, tuy Bồ-tát cung kính, lễ bái người kia và chứa tám loại đồ vật bất tịnh, nhưng không hề phạm tội. Vì sao? Vì Bồ-tát này muốn đuổi các Tỳ-kheo ác, khiến cho chúng Tăng thanh tịnh, được ở an ổn, vì lưu truyền rộng rãi kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng, tạo lợi ích cho chư Thiên và loài người. Này thiện nam! Vì nhân duyên này, ở trong kinh Ta nói có hai bài kệ đó, khiến cho các Bồ-tát đều cùng nhau khen ngợi những người hộ trì chánh pháp, giống như hàng cư sĩ, Bà-la-môn khen ngợi vị Bà-la-môn tuổi trẻ: “Lành thay! Lành thay! Bồ-tát hộ trì chánh pháp cũng làm đúng như vậy”. Nếu ai thấy người ủng hộ chánh pháp, đồng sự với người phá giới mà nói vị ấy có tội, thì nên biết người ấy tự nhận tai ương. Người hộ trì chánh pháp này thật sự không có tội. Này thiện nam! Nếu Tỳ-kheo nào phạm giới cấm rồi mà do kiêu mạn nên che giấu không chịu sám hối, thì nên biết Tỳ-kheo đó mới thật sự là phá giới. Đại Bồ-tát vì hộ trì chánh pháp, nên tuy có phạm nhưng cũng không gọi là phá giới. Vì sao? Vì người ấy không kiêu mạn mà phát lồ sám hối. Này thiện nam! Cho nên trong kinh này Như Lai có nói kệ:

Có người biết pháp

Dù già hay trẻ

*Đều nên cúng dường
Cung kính lễ lạy.
Như Bà-la-môn
Thờ cúng thân lửa
Như Đệ nhị thiên
Phụng sự Đế thích.*

Vì nhân duyên ấy mà Ta không vì người học pháp Thanh văn, chỉ vì hàng Bồ-tát nói kệ.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Các vị Đại Bồ-tát buông lỏng giới luật như vậy, thì giới của các vị ấy đã thọ có còn đầy đủ hay không?

Đức Phật dạy:

–Hôm nay, ông không nên nói như thế. Vì sao? Vì giới của các vị ấy vẫn như xưa không mất. Giả sử có sai phạm liền sám hối, sám hối rồi thì được thanh tịnh. Nay thiện nam! Như dê điều bị xoi lưng có lỗ thì nước rịn chảy. Vì sao? Vì không có người tu bổ, nếu có người tu bổ thì nước không rịn chảy. Bồ-tát cũng vậy, tuy cùng với những người phá giới làm những việc Tăng như bố-tát, thọ giới tự-tứ, nhưng tất cả giới luật của vị ấy không giống như dê điều bị xoi thủng rịn chảy. Vì sao? Vì nếu không có người trì giới thanh tịnh, thì chúng Tăng liền bị tổn giảm, sự buông thả biếng nhác ngày càng tăng trưởng. Nếu có người giữ giới thanh tịnh, thì chúng Tăng có thể đầy đủ, không mất giới đã thọ. Nay thiện nam! Đối với thừa mà buông thả thì gọi là buông thả, đối với giới mà buông thả thì không gọi là buông thả. Các Đại Bồ-tát đối với tâm Đại thừa này mà không biếng nhác, thì gọi là giới căn bản, vì hộ trì chánh pháp nên dùng nước Đại thừa để tự tắm gội. Vì thế, Bồ-tát tuy hiện ra sự phá giới, nhưng không gọi là buông thả.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Trong chúng Tăng có bốn hạng người, như trái Am-la, khó phân biệt sống chín, người phá giới, người giữ giới làm sao phân biệt?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Phải nhờ nơi kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn mới có thể biết. Vì sao phải nhờ kinh Đại Niết-bàn này mới có thể biết được? Ví như người nông dân trồng các loại lúa và ngũ cốc, đã làm sạch cỏ dại, nhìn bằng mắt thường cho là ruộng sạch, nhưng đến mùa trở bông thì cỏ, lúa khác nhau. Tắm việc làm ô nhiễm Tăng như vậy, nếu có thể trừ bỏ thì dùng mắt thường để xem xét, liền biết là thanh tịnh, hoặc khi có người trì giới, phá giới, không làm điều ác, thì dùng mắt thường xem xét, khó có thể phân biệt được. Nếu việc ác lộ bày thì dễ dàng biết được, như các loại cỏ dại kia rất dễ phân biệt. Trong chúng Tăng cũng vậy, nếu có thể xa lìa tám pháp bất tịnh như rắn độc thì đó gọi là ruộng phước Thánh chúng thanh tịnh, xứng đáng được hàng trời người cúng dường. Quả báo thanh tịnh không thể dùng mắt thường này mà phân biệt được. Lại nữa, này thiện nam! Như rừng Ca-la-ca có nhiều cây cối rậm rạp, nhưng ở trong rừng ấy chỉ có một giống cây tên là Trấn-đầu-ca, mà quả của nó giống như quả của cây Ca-la-ca không thể phân biệt. Đến mùa quả chín, có một cô gái đến lượm cả hai loại, quả Trấn-đầu-ca chỉ có một phần, còn quả Ca-la-ca có đến mười phần. Cô gái không biết, nên đem ra chợ bán. Những đứa trẻ thơ dại vì không biết nên mua quả Ca-la-ca, ăn xong bị chết. Những người có trí nghe việc ấy rồi, đến hỏi cô gái: “Cô lượm những quả này ở đâu?”. Khi ấy, cô gái liền chỉ chỗ lượm quả. Mọi người liền nói: “Ở nơi đó có vô số cây Ca-la-ca mà chỉ có một cây Trấn-đầu-ca”. Mọi người biết rồi, liền chê cười bỏ đi. Này thiện nam! Ở trong đại chúng, tám pháp bất tịnh cũng lại như vậy. Khi ấy, ở trong chúng có nhiều người thọ dụng tám pháp như vậy, chỉ có một người giữ giới thanh tịnh, không nhận tám pháp bất tịnh đó, biết những người khác nhận và chứa các vật phi pháp, nhưng vẫn ở chung, không xa lìa họ, như một cây Trấn-đầu-ca trong rừng kia. Có Ưu-bà-tắc thấy những người làm nhiều điều phi pháp, nên không cung kính cúng dường những người ấy, nếu khi muốn cúng dường thì phải hỏi trước: “Thưa Đại đức! Tắm việc như vậy có nên nhận và chứa hay không? Phật có cho phép hay không? Nếu nói Phật cho phép, thì người như vậy có được cùng chúng Tăng bố-tát, yết-ma, tự-tứ hay không?”. Ưu-bà-tắc ấy hỏi như vậy rồi,

chúng Tăng đều đáp: “Tám việc như vậy, Như Lai thương xót đều cho phép chữa”. Ưu-bà-tắc thưa: “Trong Tinh xá Kỳ Hoàn, hoặc có Tỳ-kheo nói Phật cho phép chữa vàng bạc, hoặc có Tỳ-kheo nói Phật không cho phép, họ chẳng chịu ở chung, chẳng cùng nhau thuyết giới, tự-tứ, cho đến không chịu uống nước một con sông, chẳng chịu dùng chung các vật lợi dưỡng. Sao các vị lại bảo là Phật cho phép? Phật là bậc Thiên Trung Thiên, dù Ngài cho nhận các vật ấy, chúng Tăng cũng không được chữa. Nếu vị nào nhận thì không nên cùng chúng thuyết giới, tự-tứ, yết-ma và cùng làm việc với chúng Tăng. Nếu cùng thuyết giới, tự-tứ, yết-ma và cùng làm việc chúng Tăng thì khi chết liền bị đọa vào địa ngục, như những người ăn trái Ca-la-ca liền bị chết”.

Lại nữa, này thiện nam! Như ở thành thị có người bán thuốc, có loại thuốc quý lấy từ núi Tuyết, lại cũng bán nhiều loại thuốc khác, mùi vị tương tự. Khi ấy, có người muốn mua nhưng không biết phân biệt bèn hỏi người bán thuốc: “Ông có thuốc ở núi Tuyết không?”. Người bán thuốc liền đáp: “Có”. Người này đổi gạt đem loại thuốc khác cho người mua: “Đây là thuốc quý thượng hạng ở núi Tuyết”. Khi ấy, người mua thuốc vì dùng mắt thường nên không thể phân biệt được, liền mua rồi đem đi. Lại tự suy nghĩ: “Hôm nay, ta đã có loại thuốc quý ở núi Tuyết”.

Này Ca-diếp! Trong chúng Thanh văn có vị Tăng giả danh, có vị Tăng chân thật, có vị Tăng hòa hợp, hoặc có vị trì giới, hoặc có vị phá giới, đối với chúng Tăng ấy, phải bình đẳng cúng dường, cung kính lễ bái, vì Ưu-bà-tắc dùng mắt thường nên không thể phân biệt được, giống như người kia không thể phân biệt được thuốc quý ở núi Tuyết. Ai là người giữ giới, ai là người phá giới, ai là Tăng chân thật, ai là Tăng giả danh, chỉ có bậc Thiên nhãn mới có thể biết được. Này Ca-diếp! Nếu Ưu-bà-tắc biết Tỳ-kheo ấy là người phá giới thì không nên cung cấp vật dụng cần dùng, lễ bái, cúng dường. Nếu biết vị ấy nhận, chữa tám pháp cũng lại không nên cung cấp vật dụng cần dùng, lễ bái, cúng dường. Nếu trong chúng Tăng có người phá giới, không nên vì nhân duyên họ đắp ca-sa mà cung kính, lễ bái.

Bồ-tát Ca-diếp lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Lành thay! Lành thay! Lời dạy của Như Lai chân thật không hư dối, giống như kim cương, ngọc báu, vật lạ. Con xin cung kính lãnh thọ. Như lời Phật dạy thì các Tỳ-kheo ấy nên nương vào bốn pháp. Những gì là bốn? Đó là nương pháp không nương người, nương ý nghĩa không nương ngôn ngữ, nương trí không nương thức, nương kinh liễu nghĩa chẳng nương kinh không liễu nghĩa. Bốn pháp như vậy nên biết rõ, chẳng phải là bốn hạng người.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nương pháp tức là Đại Niết-bàn của Như Lai, tất cả pháp Phật tức là pháp tánh, pháp tánh ấy tức là Như Lai, cho nên Như Lai là thường trụ bất biến. Người nào nói rằng Như Lai là vô thường, thì người ấy chẳng thấy pháp tánh, người nào chẳng biết pháp tánh thì đừng nên nương tựa. Bốn hạng người đã nói trên xuất hiện ở đời để hộ trì chánh pháp, phải nên biết rõ mà nương tựa. Vì sao? Vì người ấy biết rõ tạng pháp bí mật thâm diệu của Như Lai, nên có thể biết được Như Lai thường trụ bất biến. Nếu nói Như Lai là vô thường biến đổi thì điều đó không thể có. Bốn hạng người như vậy gọi là Như Lai. Vì sao? Người này có thể biết rõ và nói được mật ngữ của Như Lai. Người nào có thể biết rõ tạng pháp bí mật thâm sâu của Như Lai và biết Như Lai thường trụ bất biến, người như vậy nếu vì lợi dưỡng mà nói Như Lai là vô thường, điều này không thể có; người như vậy còn có thể nương tựa, huống gì là không nương tựa với bốn bậc trên. Nương nơi pháp tức là pháp tánh, không nương nơi pháp tức là Thanh văn. Pháp tánh tức là Như Lai, Thanh văn tức là hữu vi, Như Lai tức là thường trụ, hữu vi tức là vô thường. Này thiện nam! Nếu có người vì lợi dưỡng mà phá giới, nói rằng Như Lai là vô thường, biến đổi thì người như vậy không nên nương tựa. Này thiện nam! Đây là định nghĩa.

Nương ý nghĩa không nương ngôn ngữ là: Chữ nghĩa là hiểu rõ, hiểu rõ tức là không thiếu sót, không thiếu sót gọi là đầy đủ, nghĩa đầy đủ gọi là Như Lai thường trụ bất biến, nghĩa Như Lai thường trụ bất biến tức là Pháp thường trụ, nghĩa Pháp thường trụ tức là Tăng

thường trụ. Đó là nương ý nghĩa không nương ngôn ngữ. Những ngôn ngữ nào không nên nương theo? Đó là các bộ luận, lời văn trau chuốt. Như trong vô lượng kinh điển Phật đã nói, nào là mong cầu không biết nhàm chán, gian dối, dua nịnh, giả dối, hiện tướng gần gũi để cầu lợi dưỡng, qua lại, làm việc với hàng bạch y, lại nói rằng Phật cho phép Tỳ-kheo chứa nô tỳ, các vật bất tịnh như vàng, bạc, châu báu, lúa gạo, kho chứa, bò, dê, voi, ngựa, buôn bán cầu lợi. Vì thương đệ tử ở đời đói khát nên Phật cho phép các Tỳ-kheo dự trữ, để cách đêm, tự tay làm thức ăn, không lãnh thọ mà ăn. Những lời như vậy thì không nên nương theo. Nương theo trí không nương theo thức là, nói trí tức là Như Lai. Có Thanh văn nào không thể khéo biết rõ công đức của Như Lai thì đó là thức, không nên nương tựa. Nếu biết Như Lai tức là pháp thân, thì đó là trí chân thật, nên nương tựa. Nếu nói Như Lai vì ăn mà trưởng dưỡng thì gọi là không liễu nghĩa. Nếu nói Như Lai thường trụ bất biến gọi là liễu nghĩa. Nếu nói Như Lai nhập Niết-bàn, như củi hết lửa tắt, gọi là không liễu nghĩa. Nếu nói Như Lai nhập vào pháp tánh gọi là liễu nghĩa. Giáo pháp của thừa Thanh văn thì không nên nương theo. Vì sao? Vì Như Lai muốn cứu độ chúng sinh nên dùng năng lực phương tiện nói thừa Thanh văn, giống như ông trưởng giả đem nửa chữ dạy cho con. Đây thiệt nam! Thừa Thanh văn như mới cây bừa chưa có kết quả, như vậy gọi là không liễu nghĩa. Vì thế không nên nương tựa vào thừa Thanh văn, nên nương tựa pháp Đại thừa. Vì sao? Vì Như Lai muốn cứu độ chúng sinh, nên dùng năng lực phương tiện nói pháp Đại thừa, do đó nên nương theo, đó gọi là liễu nghĩa. Bốn pháp nên nương tựa như vậy, cần phải biết rõ.

Lại nữa, nương theo nghĩa là: Chử nghĩa gọi là ngay thẳng, ngay thẳng gọi là sáng suốt, sáng suốt gọi là không thiếu sót, không thiếu sót gọi là Như Lai. Lại nữa, sáng suốt gọi là trí tuệ, ngay thẳng gọi là thường trụ. Như Lai thường trụ gọi là “y pháp”. Pháp gọi là thường, cũng gọi là vô biên, không thể nghĩ bàn, không thể nắm bắt, không thể ràng buộc, mà cũng có thể chứng đắc. Nếu có người nói không thể chứng đắc, người như vậy không nên nương tựa. Đó là nương theo pháp, không nương theo người. Nếu có người dùng lời lẽ

vi diệu giảng nói vô thường, thì lời nói như thế không nên nương theo. Đó là nương theo ý nghĩa mà không nương theo ngôn ngữ. Nương theo trí là, chúng Tăng là thường trụ, vô vi, bất biến, không chứa tám vật bất tịnh. Đó là nương theo trí mà không nương theo thức. Có người cho rằng, thức tạo tác, thức thọ nhận thì không có chúng Tăng hòa hợp. Vì sao? Phạm hòa hợp gọi là vô sở hữu, đã vô sở hữu sao gọi là thường? Vì vậy thức này không thể nương tựa. Nương tựa liễu nghĩa là: Liễu nghĩa gọi là trí túc, không hề giả hiện oai nghi, thanh bạch, không kiêu mạn, tự cao để tham cầu lợi dưỡng, đối với giáo pháp tùy nghi, phương tiện diễn nói của Như Lai không chấp trước. Đó gọi là liễu nghĩa. Nếu ai có thể an trụ trong những việc như vậy, thì nên biết người ấy đã được an trụ vào Đệ nhất nghĩa. Đó là nương theo kinh liễu nghĩa, chẳng nương theo không liễu nghĩa. Không liễu nghĩa là, như trong kinh đã nói, tất cả bùng cháy, tất cả vô thường, tất cả đều khổ, tất cả đều không, tất cả vô ngã, đó gọi là không liễu nghĩa. Vì sao? Vì không thể hiểu rõ nghĩa như vậy, nên khiến cho chúng sinh bị đọa vào địa ngục A-tỳ. Vì sao? Vì chấp trước nên không hiểu rõ ý nghĩa. Tất cả bùng cháy nghĩa là Như Lai nói Niết-bàn cũng bùng cháy, tất cả vô thường thì Niết-bàn cũng vô thường; khổ, không, vô ngã cũng lại như vậy. Đó gọi là kinh không liễu nghĩa, không nên nương tựa. Này thiện nam! Hoặc có người nói, Như Lai vì thương xót tất cả chúng sinh, khéo biết đúng thời, vì biết đúng thời nên nói nhẹ thành nặng, nói nặng thành nhẹ. Như Lai quán sát biết rõ hàng đệ tử có các đàn-việt cung cấp những đồ cần dùng khiến cho đầy đủ, thì đối với những người như vậy Như Lai không cho phép nhận, chứa các vật bất tịnh như nô tỳ, vàng, bạc, của cải, châu báu, mua bán, đổi chác v.v... Nếu hàng đệ tử không có đàn-việt cung cấp những vật cần dùng, gặp thời đói khát, thực phẩm khó kiếm được, thì vì muốn kiến lập, hộ trì chánh pháp, nên Như Lai cho phép hàng đệ tử nhận và chứa nô tỳ, vàng, bạc, xe cộ, ruộng nhà, lúa gạo, mua bán, đổi chác những vật cần dùng. Tuy cho phép nhận và chứa các vật như vậy, nhưng cần phải tịnh thí cho đàn-việt, dốc lòng tin chân chánh. Bốn pháp như vậy thì nên nương tựa. Nếu có Giới luật, A-tỳ đàm, Tu-đa-la nào không trái với bốn pháp này thì

cũng nên nương tựa. Nếu có người nói là đúng thời hay chẳng đúng thời, có thể hộ trì chánh pháp, không thể hộ trì chánh pháp, Như Lai đều cho phép tất cả các Tỳ-kheo nhận và chứa các vật bất tịnh như thế, thì lời nói như vậy không nên nương tựa. Nếu có Giới luật, A-tỳ đàm, Tu-đa-la nào nói giống như vậy thì đối với ba thứ ấy cũng không nên nương theo. Ta vì các chúng sinh có mắt thường mà nói bốn pháp nương tựa này, không hề nói cho người có mắt trí tuệ. Thế nên, nay Ta nói bốn pháp nương tựa này. Pháp tức là pháp tánh. Nghĩa tức là Như Lai thường trụ bất biến. Trí tức là biết rõ tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Liễu nghĩa là thông đạt tất cả kinh điển Đại thừa.

